

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn Tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Gia Lai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Gia Lai, giám đốc các sở, thủ trưởng các ngành thuộc tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung được phân công chủ trì trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố định kỳ hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện chiến lược về Cục Thống kê tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Hà.

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê);
- Viện Khoa học Thống kê;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCD thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê tỉnh
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NC, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Phước Thành

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM
GIẢI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Quyết định số 623 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	Cục Thống kê	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp	0131					
1.3.1.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao	01312	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước
1.3.1.3	Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao	01313	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132					
1.3.2.1	Xây dựng chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	01321	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2023	2030	Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.2	Huy động các chuyên gia, nhà khoa học trong các nhóm lĩnh vực tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê	01322	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2023	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách, kèm thông tin trích ngang liên quan của chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; - Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê.
1.3.2.4	Tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin...với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01324	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng khóa học, lớp bồi dưỡng được tổ chức có các chuyên gia về lĩnh vực khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin tham gia giảng dạy; - Số lượt công chức, viên chức tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn	0133					
1.3.3.1	Nghiên cứu tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ trong kế hoạch tuyển dụng người làm công tác thống kê	01331	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2023	2030	Ban hành văn bản quy định các tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ
1.3.3.2	Triển khai thực hiện chính sách của Đảng, nhà nước về tuyển dụng, tiếp nhận...đối với công chức, viên chức tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo	01332	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn; - Xây dựng kế hoạch luân chuyển, điều động nhân lực đối với các vùng khó khăn; - Số lượng công chức, viên chức tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo được tuyển dụng, tiếp nhận theo chính sách của Đảng, nhà nước.
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng	014					
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Sở, ngành và UBND huyện, UBND xã/phường/ thị trấn	0145					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê	01451	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Hàng năm	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê
1.4.5.3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, 5 năm	01453	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm
1.4.5.4	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại Sở, ngành và công chức thống kê xã/phường/ thị trấn	01454	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng do Sở, ngành và UBND cấp tỉnh tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Sở, ngành và UBND cấp tỉnh tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Tổng cục Thống kê tổ chức.
1.4.5.5	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các cơ quan, Sở ban ngành	01455	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2023	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng khóa bồi dưỡng phổ biến kiến thức thống kê; - Số lượng học viên được bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223					
2.2.3.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	02231	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2025	2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.2.3.3	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	02233	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2026	2030	- Số cơ quan thống kê sở, ban ngành thuộc UBND cấp tỉnh triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành; - Số tiêu chuẩn thống kê ban hành được triển khai áp dụng.
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.4.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0241	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2024	2025	- Kế hoạch áp dụng các quy trình sản xuất thông tin thống kê; - Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê.
2.4.2	Triển khai các hoạt động thống kê đảm bảo đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0242	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2024	2025	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4.2.1	Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02421	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2024	2030	Số lượng văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các phần mềm phục vụ thu thập thông tin thống kê (Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến; phần mềm thu thập thông tin trên thiết bị di động; Phần mềm khai thác dữ liệu hành chính từ Tổng cục Thuế; phần mềm khai thác dữ liệu từ chế độ báo cáo thống kê điện tử cấp quốc gia; phần mềm sử dụng bản đồ số GIS và ảnh viễn thám cho thống kê cây trồng...); - Số lượng các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03112	Cục Thống kê tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống xử lý thông tin thống kê; - Các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm) phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.2.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê tỉnh với thống kê Sở, Ngành ở địa phương	03121	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa các nhà sản xuất thông tin thống kê với nhau
3.1.2.2	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê tỉnh và các sở, ngành liên quan	03122	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê tỉnh và các sở, ngành liên quan

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022	2030	- Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313					
3.1.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng	03131	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành	2022	2030	Số lượng cuộc điều tra được tích hợp
3.1.3.2	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Cục Thống kê tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2023	2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.1.3.3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Cục Thống kê tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2025	2030	- Báo cáo kết quả nghiên cứu; - Số các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314					
3.1.4.5	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03145	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2023	2030	- Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê; - Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.2	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.2.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thông kê tiên tiến, hiện đại	0422					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.2.1	Áp dụng khung lý thuyết chung được xây dựng để thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê	04221	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Tháng 4/2023	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại
4.2.2.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04222	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Tháng 4/2023	2030	Các chuyên đề phân tích và dự báo được áp dụng công cụ hiện đại
4.2.2.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của ngành, lĩnh vực phụ trách	04223	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2023	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát
4.3	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo KTXH tháng, quý, năm theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được ban hành	04311	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022	2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
4.3.1.2	Tăng cường biên soạn thông tin thống kê về vùng kinh tế-xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic	04312	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022	2030	Số lượng báo cáo kinh tế xã hội tháng, quý, năm, các báo cáo phân tích và dự báo thống kê có biên soạn thông tin thống kê về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.2.4	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê tại cấp tỉnh	04324	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng maket số liệu kinh tế xã hội được chuẩn hóa theo phương pháp mới; - Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh (LRIS); - Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế xã hội; - Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử ...
4.4	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1.4	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên các nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm)	04414	Cục Thống kê tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Gia Lai, Đài phát thanh và Truyền hình	2021	2030	Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của TCTK, của UBND cấp tỉnh
4.4.1.5	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh	04415	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố
4.4.1.6	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm	04416	Cục Thống kê tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Gia Lai, Đài phát thanh và Truyền hình	2022	2030	Thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm được phổ biến trong buổi họp báo, ấn phẩm, website...

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	Cục Thống kê tỉnh	các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện lập dự toán gửi Cục Thống kê tỉnh Tổng hợp; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp trình UBND tỉnh		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm của Hệ thống thống kê tập trung, Sở, ngành và UBND cấp tỉnh được phê duyệt
9.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược	0912	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK của Hệ thống thống kê tập trung, Sở,

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
				Tài chính, Cục Thống kê tỉnh			ngành và UBND cấp tỉnh được phân bổ cho các đơn vị thực hiện
9.1.3	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0913	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác của Hệ thống thống kê tập trung, Sở, ngành và UBND cấp tỉnh được huy động và phân bổ để thực hiện Chiến lược
9.2	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	092					
9.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0921	Cục Thống kê tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được Hệ thống thống kê tập trung, Sở, ngành và UBND cấp tỉnh phê duyệt
9.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0922	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính,	2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm của Hệ thống thống kê tập trung, Sở, ngành và UBND cấp tỉnh được phân bổ

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
				Sở Thông tin và Truyền thông, Cục Thống kê tỉnh			
9.3	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	093					
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0931	Cục Thống kê tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của Hệ thống thống kê tập trung, Sở, ngành và UBND cấp tỉnh
9.3.2	Phân bổ kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0932	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thống kê tỉnh	2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm của Hệ thống thống kê tập trung, Sở, ngành và UBND cấp tỉnh được phân bổ

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094					
9.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941	Cục Thống kê tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	2024	2030	Dự toán kinh phí Đề án hàng năm của Hệ thống thống kê tập trung, Sở, ngành và UBND cấp tỉnh được phê duyệt
9.4.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0942	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thống kê	2024	2030	- Phương tiện và trang thiết bị làm việc của Hệ thống thống kê tập trung, Sở, ngành và UBND cấp tỉnh được tăng cường; - Kế hoạch phân bổ (Bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đào tạo, bồi dưỡng).
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC						

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược	10					
10.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30	101					
10.1.2	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh	1012	UBND tỉnh	Cục Thống kê tỉnh, Sở Nội vụ		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược cấp tỉnh
10.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					
10.2.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Sở, ngành, UBND cấp tỉnh	1022					
10.2.2.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Sở, ngành, UBND cấp tỉnh	10221	UBND tỉnh	Cục Thống kê tỉnh, Sở, ban, ngành		Tháng 8/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Sở, ngành, UBND cấp tỉnh được ban hành
10.2.2.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Sở, ngành, UBND cấp tỉnh	10222	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Sở, ngành, UBND cấp tỉnh được cập nhật

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	10.3					
10.3.3	Hội nghị cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh chủ trì	1033	UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê tỉnh		Tháng 2022	01 hội nghị do UBND cấp tỉnh chủ trì
11	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	11					
11.3	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	113					
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	11.4					
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143					
11.4.3.2	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	11432	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của Sở, ngành (Từ Tháng 9-12/2025)
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144					
11.4.4.2	Tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại Sở, ngành	11442	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	- Báo cáo tổng kết của Sở, ngành (Từ Tháng 7-10/2030); - Tổ chức Hội nghị tổng kết (Tháng 10-12/2030).